

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 324/2022/HNGĐ-ST
Ngày : 22 – 8 - 2022
“V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Lộc.
2. Bà Phan Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 190/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà NTNМ, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông PVT, sinh năm 1996; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Khóm VH, TTVTT, huyện CP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: khóm VB, TTVTT, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà NTNМ trình bày:

Bà và ông PVT quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2016, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết

hôn số: 05/2018 ngày 21/02/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do đó, bà và ông T ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông PVT. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh Khôi, sinh ngày 18/7/2019, hiện nay con chung tên Khôi đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phạm Minh Khôi và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông PVT đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T không đến Tòa án để gia gia các trình tự tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa:

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà M đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án:

+ Bà M và ông T chung sống có đăng ký kết hôn là thực hiện đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh Khôi, sinh ngày 18/7/2019, hiện nay con chung tên Khôi đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phạm Minh Khôi và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà M.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Do ông T cư trú tại thị trấn Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú

thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà M là nguyên đơn nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà M:

Bà M và ông T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, ngày 21/02/2018 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống bà M cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng của ông bà không còn hạnh phúc, thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ được. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, ông T được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ tham gia phiên họp, tham gia phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt, cho thấy ông T không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, bà M vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên tình trạng hôn nhân giữa bà M và T có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà NTN là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà NTN.

Về con chung: Bà M trình bày có 01 con chung tên Phạm Minh Khôi, sinh ngày 18/7/2019, hiện nay con chung tên Khôi đang chung sống với bà. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Phạm Minh Khôi và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét từ khi ly thân đến nay, con chung tên Khôi do bà M chăm sóc, nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho con chung tên Khôi được ổn định về T lý, chỗ ở, sinh hoạt và học tập. Hội đồng xét xử chấp nhận giao 01 con chung tên Phạm Minh Khôi cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà là người yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà NTNМ, bà NTNМ được ly hôn với ông PVT.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05, cấp ngày 21/02/2018 của Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp không còn giá trị pháp lý, khi bản án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Minh Khôi, sinh ngày 18/7/2019 cho bà NTNМ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện con chung tên Khôi đang sống cùng bà M). Bà M cùng các thành viên trong gia đình của bà M không được cản trở ông T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà NTNМ không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí sơ thẩm: Bà NTNМ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003675 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: Bà NTNМ và ông PVT vắng mặt tại phiên toà, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. AG;
- VKSND. HCP;
- THA. HCP;
- UBND xã Tân Thành B;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh